

Số: **317/2022/CNKQHGT**

Bình Chánh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành số: 278/2022/YCCNHGT ngày 26/8/2022 giữa những người yêu cầu sau:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **M T H T**, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: E2/22B, ấp 5, xã LMX, HBC, TPHCM ;

2. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **L V U**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp 3, xã MT, HCB, TTG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì các đương sự đã thỏa thuận được đầy đủ nội dung về việc ly hôn, tài sản chung, nợ chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, chồng, con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà M T H T và ông L V U đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã LMX, HBC, TPHCM, cấp ngày 17/02/2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà M T H T và ông L V U xác nhận có 01 con chung tên L M M N (Nữ), sinh ngày: 26/5/2015. Sau khi ly hôn bà M T H T và ông L V U cùng thỏa thuận giao trẻ L M M N (Nữ), sinh ngày: 26/5/2015 cho bà M T H T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L V U cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/ tháng.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời hạn bắt đầu thực hiện từ ngày 05/10/2022 cho đến khi trẻ L M M N, sinh ngày: 26/5/2015 trưởng thành.

Trường hợp ông L V U không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà M T H T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông L V U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà M T H T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L V U chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông L V U phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông L V U có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà M T H T và ông L V U xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M T H T và ông L V U xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại Quyết định này theo quy định tại Điều 36 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND huyện Bình Chánh (2);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu: VP, hồ sơ (2).

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Vân Hương